

- ☐ Kem, nhũ trang, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân,)
Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)
- ☐ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)
Face masks (with the exception of chemical peeling products)
- ☐ Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)
Tinted bases (liquids, pastes, powders)
- ☐ Phần trang điểm, phần dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,....
Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.
- ☐ Xà phòng rửa tay, xà phòng khử mùi,.....
Toilet soaps, deodorant soaps, etc
- ☐ Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,....
Perfumes, toilet waters and eau de Cologne
- ☒ Sản phẩm để tắm (muối, sữa, xà phòng, dầu, gel,....)
Bath or shower preparations (salts, lotions, foams, soaps, oils, gels, etc)
- ☐ Sản phẩm tẩy lông
Depilatories
- ☐ Sản phẩm khử mùi và chống mùi (giảm mùi mồ hôi)
Deodorants and anti-perspirants
- ☒ Sản phẩm chăm sóc tóc (Đề nghị đánh dấu vào dạng sản phẩm cụ thể bên dưới)
Hair care products (Please stick on specific product type below)
 - ☐ Nhuộm và tẩy màu tóc
Hair tints and bleaches
 - ☐ Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc
Products for waving, straightening and fixing
 - ☐ Các sản phẩm định dạng tóc
Setting products
 - ☒ Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)
Cleansing products (lotions, powders, shampoos)
 - ☐ Sản phẩm dưỡng tóc (sữa, kem, dầu)
Conditioning products (lotions, creams, oils)
 - ☐ Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)
Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)
- ☐ Sản phẩm dùng cho cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,....)
Shaving product (creams, foams, lotions, etc)
- ☐ Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
- ☐ Sản phẩm dùng cho môi
Products intended for application to the lips
- ☐ Sản phẩm chăm sóc răng và miệng
Products for care of the teeth and the mouth
- ☐ Sản phẩm dùng để chăm sóc và trang điểm cho móng tay, móng chân
Products for nail care and make-up
- ☐ Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài
Products for external intimate hygiene
- ☐ Sản phẩm chống nắng
Sunbathing products
- ☐ Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng
Products for tanning without sun
- ☐ Sản phẩm làm trắng da
Skin whitening products
- ☐ Sản phẩm chống nhăn da
Anti-wrinkle products

Địa chỉ của công ty đóng gói (Address of assembler (state country)):

Tel:

8	4	-	2	7	4	3	7	3	7	5	2	8		
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--

 Fax:

8	4	-	2	7	4	3	7	3	7	5	3	1		
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--

7. Tên nước xuất khẩu (Đề nghị đánh dấu vào mục thích hợp. Chỉ áp dụng đối với sản phẩm mỹ phẩm nhập khẩu) (Name of exporting country (Please tick accordingly. Only apply to imported cosmetic products)):

Sản phẩm mỹ phẩm được lưu hành tự do tại (Cosmetic product(s) are free sold in):

- Nước xuất khẩu (Exporting country): ☐
- Nước sản xuất (Manufacturing country): ☐

**THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM
ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG**

PARTICULARS OF LOCAL COMPANY RESPONSIBLE FOR PLACING THE COSMETIC PRODUCT IN THE MARKET

8. Tên công ty (Name of company):

C	O	N	G	T	Y	C	O	P	H	A	N	M	A	R	I	C	O	S	O	U	T	H		
E	A	S	T	A	S	I	A																	
(	M	A	R	I	C	O	S	O	U	T	H	E	A	S	T	A	S	I	A					
C	O	R	P	O	R	A	T	I	O	N	)													

Địa chỉ công ty (Address of company):

S	O		3	,		Đ	Ư	Ờ	N	G	S	O		5	,		K	C	N	S	O	N	G				
T	H	À	N		1	,		P	H	Ư	Ờ	N	G		D	Ĩ		A	N	,		T	H	À	N	H	
P	H	Ó		D	Ĩ		A	N	,		T	Ỉ	N	H		B	Ì	N	H		D	Ư	Ờ	N	G		
C	o	u	n	t	r	y		V	I	Ệ	T		N	A	M												
(	N	o	.	3	,		R	O	A	D		5	,		S	O	N	G		T	H	A	N		1		
I	N	D	U	S	T	R	I	A	L		P	A	R	K	,		D	I		A	N		W	A	R	D	,
D	I		A	N		C	I	T	Y	,		B	I	N	H		D	U	O	N	G						
P	R	O	V	I	N	C	E	)																			
C	o	u	n	t	r	y		V	I	Ệ	T		N	A	M												

Tel: 84 - 2743737528 Fax: 84 - 2743737531

Số giấy phép kinh doanh/Số giấy phép hoạt động
Business Registration Number/License to Operate Number

3700579324

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY PARTICULARS OF PERSON REPRESENTING THE LOCAL COMPANY

9. Họ và tên (Name of person):

B I S E N P R I T I

Tel: 84 - 906820093 Email: priti.bisen@marico.com

Chức vụ ở công ty (Designation in the company):

G I Á M Đ Ó C (D I R E C T O R)

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU PARTICULARS OF IMPORTER

10. Tên công ty nhập khẩu (Name of importer):

5	DISODIUM COCOAMPHODIACETATE		
6	PERFUME		
7	COCAMIDOPROPYL BETAINE		
8	PEG-7 GLYCERYL COCOATE		
9	GLYCERIN		
10	COCAMIDE MEA		
11	SODIUM PCA		
12	MENTHOL		
13	TEA-DODECYLBENZENESULFONATE	0,3	
14	GUAR HYDROXYPROPYLTRIMONIUM CHLORIDE		
15	CITRIC ACID	0,2	
16	POLYQUATERNIUM-10		
17	TETRASODIUM EDTA		
18	SODIUM CHLORIDE (MUỐI KHOÁNG HIMALAYA)		
19	SODIUM CUMENESULFONATE		
20	METHYLCHLOROISOTHIAZOLINONE	0,0005975	
21	METHYLISOTHIAZOLINONE	0,0002375	
22	CI 60730		
23	CI 42051		

CAM KẾT (DECLARATION)

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt được tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục kèm theo.

I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.

2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây (*I undertake to abide by the following conditions*):

i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.

Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;

ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng¹ của sản phẩm gây chết người hoặc đe dọa tính mạng bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày biết thông tin.

Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event¹ as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;

iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm (theo mẫu quy định)² trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2 ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form² within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2 ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

iv. Thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng của sản phẩm nhưng không gây chết người hoặc đe dọa đến tính mạng và trong bất cứ trường hợp nào, việc báo cáo (sử dụng mẫu báo cáo) về tác dụng phụ phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày biết về tác dụng phụ này.

Report to the Authority of all other serious adverse events that are not fatal or life threatening as soon as possible, and in any case, no later than 15 calendar days after first knowledge, using the Adverse Cosmetic Event Report Form;

v. Công bố với cơ quan có thẩm quyền khi có bất cứ sự thay đổi nào trong bản công bố này.

Notify the Authority of any change in the particulars submitted in this notification;

3. Tôi xin cam đoan rằng những thông tin được đưa ra trong bản công bố này là đúng sự thật. Tất cả các tài liệu, các thông tin liên quan đến nội dung công bố sẽ được cung cấp và các tài liệu đính kèm là bản hợp pháp hoặc bản sao y bản chính

I declare that the particulars given in this notification are true, all data, and information of relevance in relation to the notification have been supplied and that the documents enclosed are authentic or true copies.

4. Tôi hiểu rằng tôi sẽ có trách nhiệm để đảm bảo tất cả các lô sản phẩm của chúng tôi đều đáp ứng các yêu cầu pháp luật, và tuân thủ tất cả tiêu chuẩn và chỉ tiêu sản phẩm đã được công bố với cơ quan có thẩm quyền.

I understand that I shall be responsible for ensuring that each consignment of my product continues to meet all the legal requirements, and conforms to all the standards and specifications of the product that I have declared to the Authority.

¹ Như đã được định nghĩa rõ ràng trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm. As defined in the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Products.

² Trình bày trong phụ lục I trong tài liệu hướng dẫn cho các công ty về báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm mỹ phẩm. Set out in Appendix I to the Guide Manual for the Industry on Adverse Event Reporting of Cosmetics Product

5. Tôi hiểu rằng trong trường hợp có tranh chấp pháp luật, tôi không được quyền sử dụng bản công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận nếu sản phẩm của chúng tôi không đạt được các yêu cầu về tiêu chuẩn, chỉ tiêu mà chúng tôi đã công bố.

I understand that I cannot place reliance on the acceptance of my product notification by the authority in any legal proceedings concerning my product, in the event that my product has failed to conform to any of the standards or specifications that I had previously declared to the Authority.

BISEN PRITI (Giám đốc (Director))



Tên và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty
[Name and Signature of person representing the local company]



Dấu của công ty
[Company stamp]



26/02/2021

Ngày[Date]





BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
200 Cô Bắc – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh
☎ 028. 38368453 – Fax: 028. 38367900

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mã số/Code: DC/P-QA-03/F03



VILAS 108

PHIẾU PHÂN TÍCH

(Kết quả được đảm bảo theo mẫu gửi tới kiểm nghiệm)

Số : 0007/VKN-MP2021

Mẫu kiểm nghiệm : X-MEN CLEAN & FRESH TẮM GỘI 2 IN 1 SẠCH SÂU THƠM MÁT SÁNG KHOÁI

Nơi sản xuất : Công ty CP Marico South East Asia

Số lô : 190121 - DC10.3 **Hạn dùng** : 18-Jan-24

Số đăng ký kiểm nghiệm : 40MP0007 **Số đăng ký** : KHÔNG CÓ

Đơn vị gửi mẫu : Công ty CP Marico South East Asia

Người giao mẫu : Dương Ngọc Tuyết

Người nhận mẫu : Bùi Thị Ánh Thư

Ngày giao nhận mẫu : 22/01/2021

Yêu cầu kiểm nghiệm : Giới hạn vi sinh vật (ghi nhận kết quả thực tế)

Tiêu chuẩn hoặc tài liệu áp dụng : ACM THA 06 + ISO 22718:2015 + ISO 22717:2015 + ISO 18416:2015

Tình trạng mẫu khi nhận : Mẫu đựng trong hũ nhựa, có dán nhãn tạm.
Ngày SX: Không có. Lượng mẫu gửi 4 hũ (hũ x 100 gam).
Thời gian lưu mẫu: 0 ngày.

Chỉ tiêu	Mức chất lượng	Kết quả
Tính chất	Ghi nhận thực tế	Mẫu dạng nhũ tương, đục, có màu xanh da trời nhạt, có mùi thơm
Giới hạn vi sinh vật		
- Đếm tổng số vi khuẩn hiếu khí, nấm mốc và nấm men (ACM THA 06)	Ghi nhận kết quả thực tế	< 10 CFU/g
- Tìm <i>Staphylococcus aureus</i> (ISO 22718:2015)	Ghi nhận kết quả thực tế	Không phát hiện/ 0,1 g
- Tìm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> (ISO 22717:2015)	Ghi nhận kết quả thực tế	Không phát hiện/ 0,1 g
- Tìm <i>Candida albicans</i> (ISO 18416:2015)	Ghi nhận kết quả thực tế	Không phát hiện/ 0,1 g

Ghi chú:

- Chỉ tiêu thử nghiệm có dấu (*) là chưa đăng ký với VILAS
- Chỉ tiêu thử nghiệm có dấu (**) là được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả này khi chưa có được sự đồng ý của Viện trưởng bằng văn bản.

KT3-00428AHO1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/02/2021
 Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **X-MEN CLEAN & FRESH**
TẮM GỘI 2IN1
SẠCH SẼ
THƠM MÁT SẢNG KHOÁI
2. Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 Mẫu dạng sệt, đựng trong hũ nhựa.
The paste is contained in the plastic pot.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 26/01/2021
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 27/01/2021 – 01/02/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN MARICO SOUTH EAST ASIA**
Số 3, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Tp. Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm
Test result : Xem trang 02/02
See page 02/02



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 22-03-2021

PHỤ TRÁCH PTN HOA
 HEAD OF CHEMICAL TESTING LAB

Số: 07.159-Q-1
 CÔNG CHỨNG VIỆN

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
 TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
 HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Thành Bảo



Phạm Thành Trung

Dương Phước Hoàng Khánh

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00428AHO1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/02/2021
 Page 02/02



7. Kết quả thử nghiệm :
 Test result

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Mức chất lượng (*) Specification
7.1. Hàm lượng chì (Pb), Lead content	mg/kg ACM THA 05 - (ICP-AES) (*)	Không phát hiện Not detected	0,60	Max 20
7.2. Hàm lượng asen (As), Arsenic content	mg/kg ACM THA 05 - (HG-AAS) (*)	Không phát hiện Not detected	0,06	Max 5
7.3. Hàm lượng cadimi (Cd), Cadmium content	mg/kg ACM THA 05 - (ICP-AES) (*)	Không phát hiện Not detected	0,30	-
7.4. Hàm lượng thủy ngân (Hg), Mercury content	mg/kg ACM THA 05 - (CV-AAS) (*)	Không phát hiện Not detected	0,03	Max 1

Ghi chú/ Notice:

- (*) Phương pháp do Hiệp hội các nước Đông Nam Á ban hành
 Method was issued by Association of Southeast Asian Nations (ASEAN)
 (*) Theo Thông tư 06/2011/TT – BYT – Quy định về quản lý mỹ phẩm/ Regulations on management of cosmetics



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.